

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08/9/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hương Giang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Thế Dũng**

2. Bà **Lý Thúy Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Diệu Thương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Hương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2022/HNGĐ-ST, ngày 05/7/2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 08/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1989;

Nơi ĐKKHKT: Thôn 28, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lý Văn D, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn 28, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Lý Văn D có thời gian tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/6/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh D tại thôn 28, xã K, thành phố T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc. Đến đầu năm 2021 vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn, chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, chị T chuyển về ở với bố mẹ đẻ tại thôn X, xã Xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Lý Văn D có 02 con chung tên là Lý Thành L1, sinh ngày 10/12/2010 và Lý Việt L2, sinh ngày 21/12/2012. Hiện nay cháu L1 đang ở với chị, cháu L2 đang ở với anh Dũng. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết về con chung sau khi vợ chồng ly hôn, chị được quyền nuôi cháu L1, anh D được quyền nuôi cháu L2, chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung vì mỗi người nuôi 01 cháu.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị T xác nhận chị và anh D không có tài sản chung và không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc vụ thụ lý vụ án, thông báo hoà giải và đối chiếu chứng cứ cho anh Lý Văn D bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm yết tại chính quyền địa phương nhưng anh D đều vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị T, do vậy Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải được. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để ra giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện: Chị Lê Thị T và anh Lý Văn D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/6/2014. Anh D và chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 28, xã K, thành phố T. Trước đây chị T và anh D sống cùng gia đình nhà anh D tại thôn 28, xã Kim Phú; hiện nay chị T bỏ đi không sống cùng anh D nữa, chính quyền địa phương không biết chị T đi đâu, làm gì vì khi chị T không sống với anh D, chị T không báo chính quyền. Nay chị T xin ly hôn anh D, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Lý Thành L1, sinh năm 2010 và Lý Việt L2, sinh năm 2012, hiện nay cháu L2 đang ở với anh D và mẹ đẻ anh D tại thôn 28, xã K, thành phố T nhưng anh D đi làm ăn xa, cháu L2 ở với bà nội (bà Trần Thị H); cháu L1 ở với mẹ. Tại địa phương, chị T và anh D không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Văn D; chị T thay đổi yêu cầu về nuôi con chung: Chị T đề nghị Tòa án giải quyết giao 02 con chung là Lý Thành L1, sinh ngày 10/12/2010 và Lý Việt L2, sinh ngày 21/12/2012 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung vì trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh D thường xuyên vắng nhà, cháu L2 ở với bà nội hiện nay đã già và hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập. Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai đối với anh Lý Văn D đến tham gia tố tụng nhưng anh D vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về việc xin ly hôn anh Lý Văn D.

Về con chung: Giao 02 con chung Lý Thành L1, sinh ngày 10/12/2010 và Lý Việt L2, sinh ngày 21/12/2012 cho chị Lê Thị T chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lý Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị T không yêu cầu). Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lê Thị T xác nhận chị và anh Lý Văn D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Ngày 05/7/2022, Tòa án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Lý Văn D bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm iết tại chính quyền địa phương nhưng anh D không đến Tòa án tham gia tố tụng trong các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lý Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lý Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/6/2014. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh D sống tại thôn 28, xã K, thành phố T cùng với gia đình anh D. Từ tháng 4 năm 2021, chị T và anh D đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, hiện nay chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; anh D đi làm ăn xa, chị T không biết ở đâu. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T xin ly hôn anh Lý Văn D.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Lý Văn D có 02 con chung là Lý Thành L1, sinh ngày 10/12/2010 và Lý Việt L2, sinh ngày 21/12/2012, hiện nay cháu L2 đang ở với anh D và mẹ đẻ anh D tại thôn 28, xã K, thành phố T. Cháu L1 đang ở với chị T. Qua xác minh, thu thập chứng cứ và lời trình bày của chị T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay anh D đi làm ăn xa, không có địa chỉ cụ thể, cháu L2 ở nhà với mẹ đẻ anh D (bà Trần Thị H), bà H không có thu nhập. Vì vậy, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên và để con phát triển ổn định về mọi mặt nên giao 02 con chung cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn là phù hợp nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Chị T không yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Lê Thị T xác nhận chị và anh Lý Văn D không có tài sản chung và không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lý Văn D không phải chịu án phí của vụ án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28; 147; khoản 2 Điều 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lý Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Thành L1, sinh ngày 10/12/2010 và cháu Lý Việt L2, sinh ngày 21/12/2012 cho chị Lê Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lý Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị T không yêu cầu). Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lê Thị T xác nhận chị và anh Lý Văn D không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000378 ngày 05/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh Lý Văn D không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lý Văn D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND P.M, TPTQuang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Hương Giang

